TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 01/02/2023
Về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám
2. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th (sau đây gọi tắt là bà Th) trình bày:

Bà Th có tham gia 02 dây hụi, gồm 03 phần hụi do bà H làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất, áp ngày 24/8/2020 bà Th tham gia 01 phần, gồm có 19 hụi viên, mỗi phần hụi là 3.000.000 đồng. Trong dây hụi này bà Th đã góp cho bà H được 12 lần với số tiền 36.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai, áp ngày 12/10/2019 bà Th tham gia 02 phần, gồm có 25 hụi

viên, mỗi phần hụi giá 2.000.000 đồng, dây hụi này bà Th đã hốt, còn nợ lại bà H tiền hụi chết là 16.000.000 đồng.

Đến tháng 6/2021 bà H tuyên bố đình hụi, không xổ hụi nữa, nhưng không trả tiền hụi lại bà Th. Như vậy số tiền bà H còn nợ bà Th trong dây hụi ngày 24/8/2020 là 36.000.000 đồng, trừ tiền hụi chết trong dây hụi ngày 12/10/2019 là 16.000.000 đồng, bà H còn thiếu lại bà Th là 20.000.000 đồng. Bà Th yêu cầu bà H trả số tiền hụi còn thiếu là 20.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2023 bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận lời trình bày của bà Th là đúng, bà H còn nợ lại bà Th tiền hụi là 20.000.000 đồng, nhưng hiện tại bà H không còn tài sản để trả nợ, nên xin bà Th cho bà H thời gian đi làm để kiếm tiền trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th với bị đơn bà Phạm Thị H là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi. Cụ thể nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị H trả tiền hụi còn thiếu là 16.000.000 đồng.

[3]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Sau khi Tòa án hòa giải bà H thỏa thuận trả được cho bà Th số tiền là 4.000.000 đồng, nên bà Th chỉ yêu cầu bà H trả số tiền là 16.000.000 đồng. Bà Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 4.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên hòa giải ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, bị đơn bà H thừa nhận có tham gia chơi hụi (chủ hụi) và còn nợ lại bà Th số tiền là 20.000.000 đồng. Như vậy, việc nguyên đơn trình bày ngày 24/8/2020 và 12/10/2019 có tham gia 02 dây hụi do bà H làm chủ hụi, đến tháng 06/2021 bà H tuyên bố đình hụi nhưng không chịu trả tiền hụi lại cho bà Th, sau khi khấu trừ hụi chết thì bà H còn nợ lại bà Th số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét việc bà H (chủ hụi) tự ý đình hụi nhưng không chịu trả lại tiền hụi cho bà Th là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 và 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, bêu, phường. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền hụi còn thiếu: Theo đơn khởi kiện bà Th yêu cầu bà H trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa, bà Th chỉ yêu cầu bà H trả số tiền hụi còn lại

là 16.000.000 đồng, bà Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 4.000.000 đồng.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 4.000.000 đồng. Buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền hụi còn lại là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Về thời hạn trả nợ: Xét việc bị đơn bà H thừa nhận còn nợ tiền hụi bà Th nhưng cho rằng không còn tài sản để trả nợ nên xin bà Th cho thời gian đi làm kiếm tiền trả nợ nhưng không được bà Th đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành".* Do đó việc bà H xin cho thời gian đi làm kiếm tiền trả nợ là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 10/01/2023 bị đơn bà H trình bày chồng bà H là ông Huỳnh Văn Phi, nhưng bà H và ông Phi đã ly hôn từ năm 2017 nên bà H tự đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Th. Tại phiên tòa bà Th trình bày việc chơi hụi do bà Th và bà H thỏa thuận, nên chỉ yêu cầu bà H trả nợ, không yêu cầu cầu ông Phi chịu trách nhiệm liên đới. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chỉ buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền hụi còn thiếu là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu tiền án phí theo giá ngạch là 16.000.000 đồng x 5% = 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003487 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, bêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị

Th đối với bị đơn bà Phạm Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi.

2. Buộc bị đơn bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền hụi còn thiếu là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003487 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh